

Bản án số: 856/2024/HS-PT

Ngày: 16/10/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng;

Ông Hồ Sỹ Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Khúc Thị Hoàng Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 836/2024/TLPT-HS ngày 13 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Huỳnh Thị Thanh T1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do có kháng cáo của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 252/2024/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:**

Huỳnh Thị Thanh T1; sinh năm 1995; giới tính: Nữ; ĐKNKTT: Đường N1, phường B, quận X1, thành phố Hồ Chí Minh; nơi đã cư trú: Đường D, phường X2, quận G, thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Số nhà X3 N2, phường Nguyễn Cư T4, quận X1, thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: tự khai 12/12; con ông: Huỳnh Văn L, con bà: Đinh Thị N; chồng: Nguyễn Đình T2, có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Sa L và bà Nguyễn Thị Thanh T3, luật sư Văn phòng luật sư G - Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh; luật sư L vắng mặt, luật sư T có mặt.

Bị hại: Ông Bùi Quốc S11, sinh năm: 1995; trú tại: Thôn Tràng K, xã Tân T, huyện Cẩm G, tỉnh Hải Dương; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đình T2, sinh năm 1990; trú tại: Số nhà X3 N2, phường Nguyễn Cư T4, quận X1, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Thị Thanh T1 là đối tượng không nghề nghiệp, đã có chồng con. Để có tiền tiêu xài cá nhân, T1 nghĩ ra cách làm quen với người khác giới qua mạng xã hội, sau đó giả vờ yêu đương, quan hệ tình cảm nhằm mục đích vay tiền, rủ hợp tác đầu tư để chiếm đoạt tài sản. Để thực hiện mục đích trên, khoảng tháng 10/2021, T1 sử dụng tài khoản Facebook tthuyvietinbank kết bạn làm quen với anh Bùi Quốc S1, sử dụng tài khoản Facebook lHlealthy. T1 tự giới thiệu với anh S1 tên là Phạm Thanh T1, hiện công tác tại Ngân hàng V ở thành phố Hồ Chí Minh, chưa lập gia đình. Sau khi nhiều lần liên lạc, trao đổi, anh S1 đã nảy sinh tình cảm với T1, cả hai đã gặp nhau và quan hệ tình dục. Khi chiếm được tình cảm của anh S1, T1 bắt đầu đưa ra nhiều thông tin gian dối, như cần tiền thanh toán tiền viện phí cho mẹ của T1, rủ anh S1 góp tiền đầu tư kinh doanh bất động sản, cần tiền xin chuyển công tác ra thành phố Hà Nội để sống với anh S1, bị kiện về thuế thu nhập cá nhân, đã có thai với anh S1 cần tiền dưỡng thai... để yêu cầu anh S1 chuyển tiền. Bằng phương thức và thủ đoạn trên, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2021 đến tháng 06/2022, anh S1 đã chuyển cho T1 tổng số 4.650.000.000 đồng và bị T1 chiếm đoạt. Cụ thể như sau:

- Khoảng đầu tháng 11/2021, T1 nói với anh S1 là mẹ của T1 bị ốm phải nằm ở Bệnh viện C, thành phố Hồ Chí Minh và hỏi vay tiền để trả tiền viện phí cho mẹ. Do tin tưởng nên anh S1 đã chuyển tiền cho T1 vay tổng số 310.000.000 đồng, từ tài khoản số 12210002264095 của anh S1 mở tại Ngân hàng B vào tài khoản số 060185317024 của T1 mở tại Ngân hàng S2 gồm: Ngày 06/11/2021, anh S1 chuyển 30.000.000 đồng, ngày 10/02/2022 chuyển 90.000.000 đồng, ngày 16/02/2022 chuyển 180.000.000 đồng, ngày 20/03/2022 chuyển 10.000.000 đồng. Khi chuyển tiền cho T1 qua Internet banking, anh S1 thấy tên tài khoản của T1 nhấn để nhận tiền là Huỳnh Thị Thanh T1 nên hỏi là ai thì T1 nói T1 có chị gái tên là Huỳnh Thị Thanh T1, do bố mẹ của T1 bỏ nhau nên chị của T1 lấy họ bố là Huỳnh, còn T1 lấy họ mẹ là Phạm nên anh S1 tin tưởng T1.

- Khoảng đầu tháng 02/2022, T1 nói sẽ chuyển ra thành phố Hà Nội công tác để kết hôn với anh S1 và rủ anh S1 góp tiền mua nhà vừa để ở vừa kinh doanh. Anh S1 đồng ý và dùng tài khoản số 22210004049048 mở tại Ngân hàng B chuyển tiền vào tài khoản số 060185317024 của T1, tổng số tiền là 3.785.000.000 đồng, cụ thể:

+ Ngày 07/02/2022, anh S1 chuyển cho T1 số tiền 150.000.000 đồng để góp tiền mua căn hộ ở tòa nhà số Y1, phố Nguyễn Lương B, phường Nam Đ, quận Đ, Hà Nội.

+ Ngày 11/3/2022, anh S1 chuyển cho T1 số tiền 190.000.000 đồng để góp mua căn nhà cạnh nhà số YB, ngách Y2/Z1, đường L1, phường L2, quận Đ, Hà Nội.

+ Từ ngày 22/3/2022 đến ngày 16/4/2022, anh S1 chuyển 05(năm) lần cho T1 tổng số tiền 670.000.000 đồng để góp tiền mua nhà số X3, ngách Y3/Z2, phố Tây S2, phường Trung L, quận Đ, Hà Nội.

+ Từ ngày 04/5/2022 đến ngày 02/9/2022, anh S1 chuyển 11 (mười một lần) lần cho T1 tổng số tiền 1.575.000.000 đồng để góp tiền mua nhà số X5, ngõ X6, đường Nguyễn T4, phường Khương T5, quận Thanh X, Hà Nội.

+ Ngày 14/6/2022, tại căn hộ 701, tòa nhà số 64, phố Nguyễn Lương B, phường Nam Đ, quận Đ, Hà Nội, anh S1 đưa cho T1 1.200.000.000 đồng để góp tiền mua căn hộ tại tầng Y4, tòa nhà G ở số Y5, đường Lê Văn L, phường Nhân C, quận Thanh X, Hà Nội.

- Ngày 07/4/2022, anh S1 chuyển cho T1 vay tổng cộng 190.000.000 đồng để lo xin chuyển công tác đến Ngân hàng V - Chi nhánh Đ, Hà Nội.

- Khoảng cuối tháng 05/2022, do T1 nói đang bị kiện về thuế thu nhập cá nhân và hỏi vay tiền anh S1 để lo không bị xử lý. Ngày 25/5/2022, anh S1 đã chuyển cho T1 vay số tiền là 200.000.000 đồng để T1 giải quyết công việc.

- Khoảng cuối tháng 05/2022, T1 nói đã có thai với anh S1 và đề nghị anh S1 chuyển tiền cho T1 dưỡng thai. Do tin tưởng nên anh S1 đã chuyển cho T1 tổng cộng 155.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 29/5/2022 chuyển 5.000.000 đồng, ngày 01/7/2022 chuyển 40.000.000 đồng, ngày 12/7/2022 chuyển 40.000.000 đồng, ngày 15/07/2022 chuyển 50.000.000 đồng và ngày 27/8/2022 chuyển số tiền 20.000.000 đồng.

Trong thời gian yêu T1, anh S1 có đặt vấn đề với T1 về việc tổ chức lễ cưới. T1 giả vờ đồng ý và hai người đi chụp ảnh cưới tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; tại Hà Nội và tại thành phố Đà Nẵng vào tháng 06/2022. Khi đi thành phố Đà Nẵng hoặc thành phố Đà Lạt để chụp ảnh cưới, T1 đều là người đặt vé máy bay, đặt phòng khách sạn và thuê người chụp ảnh. T1 giấu không cho anh S1 xem Giấy chứng minh nhân dân, Căn cước công dân của T1, hoặc vé máy bay nên anh S1 không biết họ, tên thật của T1. Khoảng đầu tháng 09/2022, anh S1 đã đề nghị T1 chọn ngày tổ chức lễ cưới là 08/10/2022 nhưng T1 không trả lời. Nghĩ là T1 đồng ý nên anh S1 đã báo cho bố, mẹ biết là hai người đã chọn ngày cưới là 08/10/2022. Ngày 06/09/2022, bà Nguyễn Thị D là mẹ của anh S1 đã đến Trung tâm tổ chức sự kiện và tiệc cưới Trông Đ – H tại khu Đ, đường Trường C, phường Tân B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương đặt cọc 10.000.000 đồng để thuê địa điểm tổ chức lễ cưới cho anh Bùi Quốc S1 và Phạm Thanh T1.

Khi thấy bà D đã đặt phòng cưới, anh S1 gọi điện thoại bảo T1 ra Hà Nội để bàn cụ thể việc tổ chức cưới và làm thủ tục sang tên nhà đất đối với các căn hộ, nhà đất đã mua nhưng T1 nêu nhiều lý do như sức khỏe yếu, thai còn nhỏ... và không ra

Hà Nội gặp anh S1. Anh S1 nghi ngờ bị T1 lừa nên ngày 19/9/2022 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội trình báo.

Vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của bị can Huỳnh Thị Thanh T1 số đồ vật, tài sản gồm:

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, có Imei số 353811084714313 (đã qua sử dụng).

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng, có Imei số 353341833247472 (đã qua sử dụng).

- 66 trang giấy A4 bản in ảnh chụp màn hình điện thoại ghi lại đoạn tin nhắn giữa tài khoản messenger “Thanh T1” và tài khoản messenger “S Bùi”

- 47 trang giấy A4 bản in ảnh chụp màn hình điện thoại ghi lại đoạn tin nhắn giữa tài khoản Zalo “Na” và tài khoản Zalo “S Bùi”

Tại Cơ quan điều tra, bị can Huỳnh Thị Thanh T1 hủy khai trong số tiền chiếm đoạt được của anh Bùi Quốc S1, đã sử dụng như sau:

Khoảng tháng 04/2022, T1 mua tặng anh Nguyễn Đình T2 (là chồng của T1) 01 chiếc đồng hồ hiệu Hublot trị giá 160.000.000 đồng tại cửa hàng E ở đường Nguyễn Cư T4, phường Nguyễn Cư T4, quận X1, thành phố Hồ Chí Minh. Đến cuối tháng 12/2022, anh T2 đã trả lại chiếc đồng hồ trên cho T1 nhưng T1 đã làm mất và không rõ là bị mất nên không tìm lại được.

Khoảng tháng 05/2022, T1 khai mua tặng anh T2 01 chiếc nhẫn vàng gắn kim cương, trị giá 340.000.000 đồng tại Công ty vàng bạc đá quý P ở đường Nguyễn Thái S3, phường X4, quận Gò V, thành phố Hồ Chí Minh. Đến tháng 08/2022, anh T2 và T1 đã đến Công ty vàng bạc đá quý P bán lại chiếc nhẫn này với giá 200.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã xác minh tại Công ty cổ phần vàng bạc đá quý P ở đường Nguyễn Văn N, phường X4, quận Gò V, thành phố Hồ Chí Minh được cung cấp: Trong thời gian từ tháng 10/2021 đến ngày 07/12/2022, khách hàng Nguyễn Đình T2 không mua sản phẩm nào có giá trị 340.000.000 đồng và bán lại sản phẩm nào có giá trị 200.000.000 đồng.

Ngày 14/6/2022, T1 mua 01 xe ô tô Mercedes Benz C250 màu trắng, BKS 51G-033.81 của anh Lê Quốc B trú tại ấp Mỹ C, xã H, Cái B, tỉnh Tiền Giang với giá 1.335.000.000 đồng; nhưng để anh Nguyễn Đình T2 đứng tên mua và đứng tên trong “Chứng nhận đăng ký xe ô tô”. Ngày 12/10/2022, anh T2 và T1 đã bán xe ô tô trên cho anh Trương Nguyễn Thanh Đ trú tại thị trấn Dầu G, huyện T4, tỉnh Đồng N, với giá 1.160.000.000 đồng. Ngoài ra, T1 còn đưa tổng số tiền 600.000.000 đồng cho anh T2 để trả các khoản do anh T2 vay hộ T1 trước đó. Đồng thời, T1 đưa tổng cộng 190.000.000 đồng cho anh T2 trả nợ khoản anh T2 vay tín chấp trước đó tại Ngân hàng thương mại cổ phần V và Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Số tiền còn lại 2.232.620.203 đồng T1 đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi bị anh Bùi Quốc S1 tố cáo thì ngày 30/10/2022, T1 đã chuyển khoản 1.800.000.000 đồng từ tài khoản số 108872606721 của T1 mở tại Ngân hàng V đến tài khoản số 22210004049048 của anh S1 mở tại Ngân hàng B. Ngày 01/11/2022, T1 đã chuyển khoản 700.000.000 đồng từ tài khoản số 108872606721 của T1 mở tại Ngân hàng V đến tài khoản số 22210004049048 của anh S1 mở tại Ngân hàng B. Tổng cộng, T1 đã trả anh S1 số tiền là 2.500.000.000 đồng.

Đối với anh T2 có hành vi sử dụng một phần tiền do T1 lừa đảo chiếm đoạt của anh S1, kết quả điều tra xác định anh T2 không biết số tiền do T1 đưa là tài sản do T1 phạm tội mà có nên không phạm tội “Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và không đồng phạm với T1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Cơ quan điều tra đã xác minh các căn nhà do anh S1 góp tiền với T1 để mua chung, kết quả:

Ngôi nhà số X3, số X3, ngách Y3/Z2, phố Tây S, phường Trung L, quận Đ, Hà Nội có diện tích mặt bằng 38,2m² xác định là của bà Bùi Thị T4. Khoảng tháng 06/2022, bà T4 đã bán căn nhà trên cho vợ chồng ông Cao Ngọc Đ2 và bà Vương Lệ H, số X3, ngách Y3/Z2, phố Tây S, phường Trung L, quận Đ, Hà Nội với giá 6.600.000.000 đồng. Hiện ông Đ và bà H đang sử dụng căn nhà và không bán lại cho người khác.

Ngôi nhà số X5, ngõ X6, đường Nguyễn T4, phường Khương T5, quận Thanh X, Hà Nội có diện tích mặt bằng 46,3m², xác định là của vợ chồng ông Trần Bằng T5 và bà Đoàn Thanh H2, trú tại số nhà X7, phố Ngô Gia T, phường Đông K, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Khoảng tháng 09/2022, ông T5 và bà H2 bán căn nhà trên cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu S3 và bà Nguyễn Thị Thu H1 cùng trú tại phường V, quận H, Hà Nội với giá 11.900.000.000 đồng. Hiện ông S3 đang sử dụng nhà nêu trên, không bán lại cho người khác.

Ngôi nhà cạnh nhà YB, ngách Y2/Z1, đường L1, phường L2, quận Đ, Hà Nội có diện tích mặt bằng 69,9m² là của vợ chồng ông Đào Văn M và bà Bùi Thị Kim H3 trú tại số nhà Y3/Z2/X8, phố Linh L, phường Cống V, quận B, Hà Nội. Ngày 01/12/2020, ông M và bà H3 đã chuyển nhượng căn nhà trên cho vợ chồng ông Phạm Văn C và bà Đào Thị Huyền N1 cùng trú tại phường Kim G, quận Thanh X, Hà Nội. Sau khi chuyển nhượng nhà cho ông C và bà N1, ông M được bà N1 nhờ trông coi, quản lý căn nhà trên. Ông C và bà N1 không quen biết Huỳnh Thị Thanh T1.

Đại diện Ban quản lý tòa nhà G ở số Y5, đường Lê Văn L, phường Nhân C, quận Thanh X, Hà Nội cung cấp: Từ tháng 05/2022 đến ngày 19/10/2022, không có ai tên là Phạm Thanh T1, Huỳnh Thị Thanh T1 hoặc Bùi Quốc S1 mua và thuê căn hộ ở tòa nhà Golden Palm.

Đại diện Ban quản lý tòa nhà Y1, phố Nguyễn Lương B, phường Nam Đ, quận Đ, Hà Nội cung cấp: Tòa nhà Y1 Nguyễn Lương B chỉ cho thuê các

căn hộ, không có việc mua bán các căn hộ cũng như mua cổ phần của tòa nhà để cùng đầu tư. Huỳnh Thị Thanh T1 là khách hàng thuê căn hộ X9 từ rạng sáng ngày 03/10/2022.

Bà Đinh Thị N2 trú tại tổ X2, ấp Xa C, xã Thanh B, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước là mẹ của T1 xác nhận từ năm 2020 đến ngày 06/12/2022, bà N2 chưa lần nào đến Bệnh viện C thành phố Hồ Chí Minh để khám chữa bệnh.

Trách nhiệm dân sự: Trước khi bị khởi tố bị can, Huỳnh Thị Thanh T1 đã trả lại anh Bùi Quốc S1 số tiền 2.500.000.000 đồng, còn chiếm đoạt 2.150.000.000 đồng. Anh S1 yêu cầu bị can T1 phải hoàn trả số tiền trên; hiện bị can T1 chưa trả lại anh S1 số tiền đã chiếm đoạt.

Tại bản Cáo trạng số 476 /CT-VKS - P2 ngày 10/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố Huỳnh Thị Thanh T1 tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 252/2024/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố: Huỳnh Thị Thanh T1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

- Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Huỳnh Thị Thanh T1** 15 (mười lăm) năm tù. Hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

+ Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Huỳnh Thị Thanh T1 phải bồi thường cho anh Bùi Quốc S1 số tiền 1.440.000.000 (một tỷ bốn trăm, bốn mươi triệu) đồng.

- Buộc anh Nguyễn Đình T2 phải hoàn trả cho anh Bùi Quốc S1 số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/5/2024, bị cáo Huỳnh Thị Thanh T1 có đơn kháng cáo xem xét về hình phạt và trách nhiệm bồi thường; cho bị cáo khắc phục bồi thường 100% số tiền còn lại cho anh Bùi Quốc S1, chồng bị cáo không phải chịu trách nhiệm bồi thường.

Ngày 28/5/2024, người bị hại là anh Bùi Quốc S1 có đơn kháng cáo với nội dung tăng hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu bị cáo Huỳnh Thị Thanh T1 và người liên quan là anh Nguyễn Đình T2 trả lại toàn bộ số tiền còn chiếm đoạt là 2.150.000.000 đồng.

Ngày 22/5/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đình T2 có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm để anh T2 không phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại anh Bùi Quốc S1 số tiền 700.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bị hại là anh Bùi Quốc S1 rút đơn kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên mức hình phạt như Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo Huỳnh Thị Thanh T1.

Người bào chữa cho bị cáo T1 đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu mới mà bị cáo xuất trình tại giai đoạn phúc thẩm để áp dụng thêm cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm hình phạt cho bị cáo T đến mức thấp nhất có thể.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Huỳnh Thị Thanh T1, giảm cho bị cáo T1 từ 01 đến 02 năm tù; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người bị hại anh Bùi Quốc S1 và không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đình T2 cũng như kháng cáo về phần dân sự của bị cáo T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án; ý kiến của người bị hại, luật sư và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại là anh Bùi Quốc S1 rút đơn kháng cáo; căn cứ theo quy định tại Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Bùi Quốc S1.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Huỳnh Thị Thanh T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đình T2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp và quyết định xét xử vắng mặt bị cáo Huỳnh Thị Thanh T1 và anh Nguyễn Đình T2 theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290, khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Căn cứ lời khai bị cáo Huỳnh Thị Thanh T1 tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của người bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định: Trong quá trình bị cáo T1 quan hệ tình cảm với anh S1, bị cáo không nói cho anh S1 biết bị cáo đã có gia đình chồng và con (tại thời điểm đó và đến nay giữa bị cáo và chồng vẫn tồn tại quan hệ hôn nhân); đưa ra các thông tin gian dối về tên, tuổi của bị cáo; gian dối về việc mẹ bị cáo bị bệnh; gian dối về việc bị cáo mang thai, chuyển công tác, đầu tư nhà và mua nhà để ở khi tiến tới hôn nhân nhằm mục đích để anh S1 chuyển số tiền 4.640.000.000 đồng cho bị cáo và chiếm đoạt tiền của anh S1. Việc anh S1 chuyển tiền cho bị cáo là do anh S1

tin tưởng vào tình cảm của bị cáo và những thủ đoạn bị cáo đưa ra. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Huỳnh Thị Thanh T1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và không oan.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị Thanh T1 và anh Nguyễn Đình T2: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo 15 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo T1. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã khắc phục một phần số tiền đã chiếm đoạt là 300.000.000 đồng, thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn có hai con còn nhỏ (con lớn 4 tuổi, con bé mới sinh được 40 ngày); đây là tình tiết mới theo quy định tại điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Tại cấp sơ thẩm bị cáo xác nhận số tiền anh S1 chuyển, bị cáo đã sử dụng chi tiêu gia đình, mua một số tài sản cho chồng và đưa chồng trả nợ khoản tiền vay trước đó để chi tiêu gia đình; anh T2 cũng xác nhận việc chi tiêu gia đình là do bị cáo lo. Năm 2022, bị cáo có mua cho anh T2 một số tài sản như ô tô, đồng hồ, nhẫn kim cương và đưa tiền cho anh T2 trả nợ, thời điểm này trùng với thời điểm bị cáo chiếm đoạt tiền của anh S1. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định mặc dù anh T2 không biết việc bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh S1 nhưng anh T2 cũng là người được sử dụng số tiền do bị cáo lừa đảo chiếm đoạt mà có, anh T2 là người sử dụng tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình nên cũng phải có trách nhiệm hoàn trả theo Điều 581 Bộ luật dân sự. Trong tổng số tiền còn chiếm đoạt của anh S1 là 2.140.000.000 đồng, chia kỷ phần bị cáo phải bồi thường $\frac{2}{3}$ là 1.440.000.000 đồng, anh T2 phải chịu tiền hoàn trả $\frac{1}{3}$ là 700.000.000 đồng là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã khắc phục số tiền là 300.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0066208 ngày 05/9/2024 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, bị cáo T1 còn phải bồi thường tiếp số tiền 1.140.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T1, anh T2, cũng như đề nghị của luật sư về trách nhiệm dân sự; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị cáo Huỳnh Thị Thanh T1, anh Bùi Quốc S1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; anh Nguyễn Đình T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290, khoản 1 Điều 351, khoản 1 Điều 348, điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người bị hại anh Bùi Quốc S1.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị Thanh T1 về xin giảm hình phạt; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị Thanh T1, anh Nguyễn Đình T2 về trách nhiệm dân sự; sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 252/2024/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về trách nhiệm hình sự, cụ thể:

- Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Huỳnh Thị Thanh T1 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Huỳnh Thị Thanh T1 phải bồi thường cho anh Bùi Quốc S1 số tiền 1.140.000.000 (một tỷ một trăm, bốn mươi triệu) đồng; xác nhận bị cáo T1 đã nộp số tiền 300.000.000 đồng và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0066208 ngày 05/9/2024 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Buộc anh Nguyễn Đình T2 phải hoàn trả cho anh Bùi Quốc S1 số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bị hại anh Bùi Quốc S1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo và anh T2 chậm trả tiền thì bị cáo, anh S1 phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Bị cáo Huỳnh Thị Thanh T1 và anh Bùi Quốc S1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Anh Nguyễn Đình T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1, TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Bị cáo, người bào chữa (theo đ/c);
- Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Bình

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Sỹ Hưng

Ngô Quang Dũng

Lê Thị Thúy Bình